

Số: /QĐ-UBND Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực:
Công chức, Viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 năm 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1065/QĐ-BNV ngày 10 tháng 12 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định
số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và
quản lý công chức thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Quyết định số 1066/QĐ-BNV ngày 10 tháng 12 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định
số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và
quản lý viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức,
viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục
hành chính trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 238/TTr-SNV ngày
08 tháng 4 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực: Công chức, Viên chức theo Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực: Công chức, Viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ.

Điều 3. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính theo các nội dung công bố tại Điều 1 theo quy định tại Điều 10 Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 2 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- TT TH-CB, P.HCTC;
- Lưu: VT, KSTT, K12.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC: CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH BÌNH ĐỊNH**
(Ban hành theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày _____ / _____/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|---|--|--|--|--|---|---------------------------------|-------|---|---------------------------|--|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| I. Lĩnh vực Công chức (04 TTHC) | | | | | | | | | | | | |
| Thủ tục hành chính trong lĩnh vực Công chức được công bố theo Quyết định số 1065/QĐ-BNV ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Thi tuyển công chức 1.005384.000.00.00.H08 | - Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh thực hiện | Sở, ban ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, đơn vị có liên quan | Có | - | Có | - Phí tuyển dụng: 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi (dưới 100 thí sinh); 400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi (từ 100 thí sinh đến dưới 500 thí sinh); 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi (từ 500 thí sinh trở lên); Nộp phí trong | Căn cứ pháp lý, Phí | - Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; - Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ; - Thông tư | Cấp tỉnh |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-------|------------------------|---|--|----------------------------|---------------------------------|---|---------------------------------|-------|--|---|----------------|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| | | <p>- Thành lập Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.</p> <p>Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi</p> | | | | | | | <p>quá trình giải quyết thủ tục hành chính</p> <p>- Phí phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi</p> <p>Nộp phí tại thời điểm gửi đơn xin phúc khảo</p> | <p>số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.</p> <p>- Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.</p> <p>- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh</p> | | |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-------|---|--|--|--|--|---|---------------------------------|-------|---|---------------------------|---|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| | | tuyển dụng công chức đồng ý gia hạn. | | | | | | | | | | |
| 2 | Xét tuyển công chức 2.002156.000.00.00.H08 | <p>- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.</p> <p>- Thành lập Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh thực hiện | Sở, ban ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, đơn vị có liên quan | Có | - | Có | <p>- Phí tuyển dụng 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi (dưới 100 thí sinh); 400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi (từ 100 thí sinh đến dưới 500 thí sinh); 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi (từ 500 thí sinh trở lên);</p> <p>Nộp phí trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính</p> | Căn cứ pháp lý, Phí | <p>- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;</p> <p>- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;</p> <p>- Thông tư số</p> | Cấp tỉnh |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-------|------------------------|--|--|----------------------------|---------------------------------|---|---------------------------------|-------|-------------|---|----------------|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| | | <p>nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.</p> <p>Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự</p> | | | | | | | | <p>05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;</p> <p>- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh</p> | | |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-------|---|--|--|----------------------------|---|---|---------------------------------|-------|-------------|---------------------------|--|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| | | được tuyển dụng vào công chức phải đến cơ quan nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác hoặc được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức đồng ý gia hạn. | | | | | | | | | | |
| 3 | Tiếp nhận vào làm công chức 1.005385.000.00.0 0.H08 | Không quy định | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, | Sở Nội vụ | Sở, ban ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, đơn vị có liên | Có | - | Có | Không | Căn cứ pháp lý | - Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; - Nghị định số | - |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-------|------------------------|----------------------------|--|----------------------------|---------------------------------|---|---------------------------------|-------|-------------|---------------------------|--|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| | | | TP Quy Nhơn | | quan | | | | | | <p>138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.</p> <p>- Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;</p> <p>- Thông tư số 79/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;</p> <p>- Thông tư số 13/2018/TT-</p> | |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-------|--|---|--|--|--|---|---------------------------------|-------|---|---------------------------|--|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| | | | | | | | | | | | BNV ngày 19/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. - Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh | |
| 4 | Thi nâng ngạch công chức 2.002157.000.00.00.H08 | - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chấm thi, Hội đồng thi nâng ngạch công chức phải báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức về | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh thực hiện | Sở, ban ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, đơn vị có liên quan | Có | - | Có | - Phí dự thi nâng ngạch: + Chuyên viên cao cấp và tương đương: 1.400.000 đồng /thí sinh/lần dự thi (dưới 50 thí sinh); 1.300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi (từ 50 thí sinh đến dưới 100 thí sinh); | Căn cứ pháp lý, Phí | - Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; - Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ; | Cấp tỉnh |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-------|------------------------|--|--|----------------------------|---------------------------------|---|---------------------------------|-------|--|---------------------------|---|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| | | <p>kết quả chấm thi; đồng thời công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức và gửi thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý công chức về điểm thi của công chức dự thi nâng ngạch để thông báo cho công chức dự thi được biết.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo</p> | | | | | | | <p>1.200.000 đồng/thí sinh/lần dự thi (từ 100 thí sinh trở lên). + Chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương: 700.000 đồng/thí sinh/lần dự thi (dưới 100 thí sinh); 600.000 đồng/thí sinh/lần dự thi (từ 100 thí sinh đến dưới 500 thí sinh); 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi (từ 500 thí sinh trở lên).</p> <p>Nộp phí trong quá trình giải quyết thủ tục</p> | | <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh | |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-------|------------------------|--|--|----------------------------|---------------------------------|---|---------------------------------|-------|--|---------------------------|----------------|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| | | kết quả điểm thi, công chức dự thi có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả điểm bài thi môn kiến thức chung, môn ngoại ngữ, môn tin học (trong trường hợp thi trắc nghiệm trên giấy) và bài thi viết môn chuyên môn, nghiệp vụ. Hội đồng thi nâng ngạch công chức có trách nhiệm thành lập Ban chấm phúc khảo và tổ chức chấm phúc khảo, công bố kết quả chấm | | | | | | | hành chính - Phí phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi Nộp phí tại thời điểm gửi đơn xin phúc khảo | | | |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|---|---|--|--|--|---|---|---------------------------------|-------|---|---------------------------|--|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| II. Lĩnh vực viên chức (04 TTHC) | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Thi tuyển viên chức 1.005388.000.00.00.H08 | <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng. - Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | Sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh | Sở Nội vụ và cơ quan, đơn vị có liên quan | Có | - | Có | Phí tuyển dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; - Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi. Nộp phí trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính <ul style="list-style-type: none"> - Phí phúc khảo: 150.000 đồng/bài | Căn cứ pháp lý, Phí | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019. - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày | - |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-------|------------------------|---|--|-----------------------------------|---------------------------------|---|---------------------------------|-------|--|---|----------------|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| | | <p>tuyên dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.</p> <p>- Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được</p> | Bộ phận Một cửa cấp huyện | UBND các huyện, thị xã, thành phố | | | | | <p>thi</p> <p>Nộp phí tại thời điểm gửi đơn xin phúc khảo</p> | <p>28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh</p> | | |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-------|---|--|---|--|---|---|---------------------------------|-------|--|---------------------------|--|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| | | tuyển dụng viên chức có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định. | | | | | | | | | | |
| 2 | Xét tuyển viên chức 1.005392.000.00.00.H08 | - Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy | Sở, ban ngành; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh | Sở Nội vụ và cơ quan, đơn vị có liên quan | Có | - | Có | - Phí tuyển dụng: 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi (dưới 100 thí sinh); 400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi (từ 100 thí sinh đến dưới 500 thí sinh); 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi (từ | Căn cứ pháp lý, Phí | - Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật | - |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-------|------------------------|---|--|----------------------------|---------------------------------|---|---------------------------------|-------|-------------|---------------------------|----------------|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| | | <p>thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.</p> <p>- Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy</p> | | | | | | | | UBND tỉnh | | |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-------|--|---|--|--------------------------------|---------------------------------|---|---------------------------------|-------|----------------|---------------------------|---------------------------------------|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| | | trường hợp thi vòng 2 bằng hình thức thi viết. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định. | | | | | | | | | | |
| 3 | Tiếp nhận vào làm viên chức 1.005393.000.00.00.H08 | - Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng | Trung tâm Phục vụ hành chính | Người đứng đầu cơ quan có thẩm | Sở Nội vụ và cơ quan, đơn vị | Có | - | Có | Không quy định | Căn cứ pháp lý | - Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày | - |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-------|------------------------|---|--|-----------------------------------|---------------------------------|---|---------------------------------|-------|-------------|--|----------------|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| | | <p>công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc công thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.</p> <p>- Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.</p> <p>- Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng</p> | <p>công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn</p> | <p>quyền tuyển dụng viên chức</p> | <p>có liên quan</p> | | | | | <p>15/11/2010.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.</p> <p>- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh</p> | | |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-------|--|---|--|--|---|---|---------------------------------|-------|---|---------------------------|---|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| | | chuẩn xét đặc cách. | | | | | | | | | | |
| 4 | Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức 1.005394.000.00.00.H08 | <p>- Trước ngày thi hoặc xét thăng hạng ít nhất 15 ngày, Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng gửi thông báo triệu tập thí sinh dự thi hoặc xét, thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức ôn tập (nếu có) và địa điểm tổ chức thi hoặc xét cho các thí sinh có đủ điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng.</p> <p>- Trước ngày thi 01 ngày, Hội</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | <i>Sở Nội vụ tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh xét thăng hạng viên chức hạng II đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý</i> | Các Sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan | Có | - | Có | <p>a) Phí Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III, hạng IV</p> <p>- Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần</p> <p>- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần</p> <p>- Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần.</p> <p>Nộp phí trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính</p> <p>b) Phúc khảo 150.000 đồng/bài</p> | Căn cứ pháp lý, Phí | <p>- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của</p> | Cấp tỉnh |

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết (ngày) | Địa điểm TN hồ sơ và TKQ giải quyết TTHC | Cơ quan chủ trì giải quyết | Các cơ quan phối hợp giải quyết | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua BCCI | Mức độ thực hiện DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-------|------------------------|---|--|--|---------------------------------|---|---------------------------------|-------|---|---------------------------|---|-----------------|
| | | | | | | | Mức 3 | Mức 4 | | | | |
| | | đồng thi niêm yết danh sách thí sinh theo số báo danh và theo phòng thi hoặc xét, sơ đồ vị trí các phòng thi hoặc xét, nội quy, hình thức, thời gian thi hoặc xét thăng hạng. | | <i>của UBND tỉnh</i> | | | | | thi Nộp phí tại thời điểm gửi đơn xin phúc khảo | | Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh | |
| | | | | Các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh (đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III, | - | | | | | | | - |

